TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG THÁP** Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST Ngày: 01-8-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**.

2. Bà **Nguyễn Phước Viễn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Đồng Tháp tham gia phiên toà: Không.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1988;

Số CCCD/CMND: 080088003789/301513390

Địa chỉ: số 99/2, ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh Long An (nay là số 99/2, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1995;

Số CMND: 312226288

Địa chỉ liên hệ: ấp Ph, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp Ph, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

(Anh M xin vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:*

- Anh và chị H kết hôn từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ch, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) ngày 05/4/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình chung sống, nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện anh và chị H không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết.*

* Tại phiên tòa:

- Các đương sự vắng mặt nên không có thỏa thuận được về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M và bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M và chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp Ph, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Anh M cho rằng anh và chị H có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung anh M trình bày không có.

[4] Xét yêu cầu của anh M:

[4.1] Về hôn nhân: Anh M và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ch, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 05/4/2018, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".* Tuy nhiên theo lời trình bày của anh M thì giữa anh M và chị H nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài. Đồng thời, anh M và chị H hiện đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay, thời gian cũng dài hay bên không còn liên hệ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị H và triệu tập chị H nhiều lần đến Tòa án để hòa giải, tại phiên tòa hôm nay chị H cũng vắng mặt. Điều đó thể hiện, chị H không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh M. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh M và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung:

- Anh M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ: Anh M xác định không có và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chùng: Không có.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008759 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Anh M, chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1, Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền